

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2025/DS-ST**

Ngày 28 - 02 - 2025

V/v tranh chấp tài sản chung; tranh chấp thừa

kế; kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Hoàng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 và ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2023/DS-ST, ngày 09 tháng 02 năm 2023, thụ lý bổ sung ngày 20 tháng 10 năm 2023 và ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp tài sản chung; tranh chấp thừa kế; kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng V, sinh năm 1940; địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ D, KP9, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/10/2023). Có mặt

- Bị đơn: Ông Phạm Anh T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Thu H1, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có mặt

2. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H2: Ông Phạm Anh T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. (Theo giấy ủy quyền ngày 05/02/2025). Có mặt

3. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu B, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin vắng mặt

4. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

5. Bà Phạm Thu H3, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

6. Ông Phạm Giang N, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp Đ, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L; bà Phạm Thu H3; ông Phạm Giang N: Bà Phạm Thị Kim H4, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. (Hợp đồng ủy quyền ngày 07/10/2023). Có mặt

7. Bà Phạm Thị Kim H4, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có mặt

8. Bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

9. Ông Trần Minh L1, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Hồng V và ông Phạm Quang K chung sống vợ chồng từ năm 1970 và có 08 người con là: Ông Phạm Anh T; bà Phạm Thị Thu H1; bà Phạm Thị H2; bà Phạm Thị C; bà Phạm Thị L; bà Phạm Thu H3; ông Phạm Giang N; bà Phạm Thị Kim H4. Quá trình chung sống vợ chồng ông, bà có tài sản chung là thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Quang K và bà Nguyễn Hồng V. Ông Phạm Quang K đã chết năm 2010, không để lại di chúc. Trước đây bà V thỏa thuận với các con về việc chia cho mỗi con 5m ngang, dài hết đất, phần còn lại sẽ là của bà V nhưng các thành viên trong gia đình không thỏa thuận được, không có sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến sự việc kéo dài, không giải quyết được. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Yêu cầu Tòa án xác định di sản thừa kế của ông Phạm Quang K đối với tài sản chung của ông Phạm Quang K và bà Nguyễn Hồng V là thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Quang K và bà Nguyễn Hồng V. Chia cho bà Nguyễn Hồng V được $\frac{1}{2}$ tài sản trong khối tài sản chung của bà và ông K.

+ Di sản thừa kế của ông K là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Quang K và bà Nguyễn Hồng V. Yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Phạm Quang K theo quy định của pháp luật. Bà V có nguyện vọng được nhận quyền sử dụng đất. Khi chia quyền sử dụng đất bà đồng ý nhận phần chênh lệch diện tích đất nông nghiệp để nhường một phần đất thổ cư cho các đồng thừa kế để chia di sản thừa kế của ông K. Để thuận tiện cho việc phân chia tài sản, bà V đồng ý gộp chung phần tài sản chung và phần di sản thừa kế bà được nhận. Trường hợp có chênh lệch giá trị thì bà không yêu cầu các đồng thừa kế khác phải thanh toán giá trị chênh lệch cho bà.

+ Ông Phạm Anh T đã trả số tiền 117.500.000 đồng cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn ông Phạm Anh T phải thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Hồng V số tiền 117.500.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

- Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Anh T trình bày: Ông là con của bà Nguyễn Hồng V và ông Phạm Quang K, đã chết năm 2010. Bà V và ông K có 08 người con là: Ông Phạm Anh T; bà Phạm Thị Thu H1; bà Phạm Thị H2; bà Phạm Thị C; bà Phạm Thị L; bà Phạm Thu H3; ông Phạm Giang N; bà Phạm Thị Kim H4. Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc do ông K, bà V nhận chuyển nhượng. Tài sản là nhà cấp 4 và các cây trồng trên đất, ông không tranh chấp gì. Ông có sống chung với cha mẹ đến năm 2001 mới chuyển ra ngoài ở riêng. Ông công nhận thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương là tài sản chung của ông K, bà V được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Quang K và bà Nguyễn Hồng V. Trước đây ông và bà H4 sử dụng thửa đất số 02 để trồng dưa lưới. Hiện ông đã di dời các nhà dưa lưới và một phần mái che, các bồn nước ra khỏi thửa đất số 02, ông không còn sử dụng thửa đất số 02 nữa. Ông T không phát sinh vấn đề tranh chấp tài sản hay tranh chấp di sản thừa kế với bà V và các đồng thừa kế khác. Bà V yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của ông K như thế nào là quyền của bà V, ông không tranh chấp. Với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông K thì ông yêu cầu nhận quyền sử dụng đất, trường hợp ràng buộc về điều kiện tách thửa thì ông và bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị H2 sẽ đứng tên chung 1 thửa đất. Trường hợp có chênh lệch về diện tích đất thổ cư và đất nông nghiệp khi tách thửa thì ông không yêu cầu xem xét giá trị chênh lệch. Ông đã thanh toán hết số tiền 117.500.000 đồng cho bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà H1 trình bày: Bà thống nhất thửa đất và các tài sản trên thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương là tài sản chung của bà V và ông K. Bà không đóng góp gì vào tài sản trên đất. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V về việc chia tài sản chung của bà V và ông K, xác định phần di sản thừa kế của ông K. Bà yêu cầu chia di sản thừa kế của ông K theo quy định của pháp luật.

Bà có nguyện vọng được nhận quyền sử dụng đất, đồng ý đứng chung giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định. Trường hợp có chênh lệch về diện tích đất thổ cư và đất nông nghiệp khi tách thửa thì bà không yêu cầu xem xét giá trị chênh lệch.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà H4 trình bày: Thống nhất thửa số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương là tài sản chung của bà V và ông K. Bà không đóng góp gì vào tài sản trên. Nay bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V về việc chia tài sản chung của bà V và ông K, xác định phần di sản thừa kế của ông K. Ông K chết không để lại di chúc nên đề nghị chia di sản thừa kế của ông K theo quy định của pháp luật. Bà có nguyện vọng được nhận quyền sử dụng đất và đồng ý đứng chung giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định. Hiện bà đang sử dụng 01 nhà dứa lười ở trên đất, bà đồng ý di dời nhà dứa lười, không tranh chấp gì đối với việc di dời nhà dứa lười. Với tư cách người đại diện theo ủy quyền của bà H3, bà L, ông N thì bà thống nhất với trình bày trên. Đề cho bà H3, bà L, ông N nhận quyền sử dụng đất và đồng ý đứng chung giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định. Trường hợp có chênh lệch về diện tích đất thổ cư và đất nông nghiệp khi tách thửa thì bà H4, bà H3, ông N, bà L không yêu cầu xem xét giá trị chênh lệch.

- Bà Phạm Thị C có đơn xin vắng mặt, tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2024 bà C có ý kiến: Bà không đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn bà V. Bà chỉ đồng ý chia toàn bộ thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương thành 09 phần bằng nhau cho 09 đồng thừa kế. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V yêu cầu ông T thanh toán 117.500.000 đồng thì bà không có ý kiến.

- Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H2 trình bày: Bà H2 thống nhất thửa số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương là tài sản chung của bà V và ông K, bà H2 không tranh chấp gì. Với yêu cầu khởi kiện của bà V thì bà H2 đồng ý, bà H2 yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất, đồng ý đứng chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với ông T, bà C. Trường hợp có chênh lệch về diện tích đất thổ cư và đất nông nghiệp khi tách thửa thì bà H2 không yêu cầu xem xét giá trị chênh lệch.

- Ông Phạm Minh L2 có đơn xin vắng mặt, tại Bản tự khai ngày 16/11/2023, ông có ý kiến: Tháng 11/2022, ông mua lại vườn dứa lười của bà H1, ông và bà H4 đang sử dụng để trồng dứa lười. Nay bà V và các đồng thừa kế tranh chấp di sản thừa kế, ông không có ý kiến, đồng ý với ý kiến của bà H4. Trường hợp phải di dời vườn dứa lười thì ông đồng ý, không tranh chấp gì về việc di dời dứa lười.

- Bà T1 có đơn xin vắng mặt, tại bản tự khai bà có ý kiến: Bà không liên quan cũng không biết gì về tranh chấp giữa bà Nguyễn Hồng V và ông Phạm Anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ theo Quyết định số 12 ngày 15/5/2023 thì diện tích tối thiểu để tách thửa đất nông nghiệp ở P là 3.000m², diện tích đất thổ cư tối thiểu để tách thửa ở xã là 100m², khu đất tranh chấp có 400m² đất ONT (thổ cư), vì vậy, được phép tách tối đa 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị hội đồng xét xử: căn cứ các điều 212, 219, 466, 650, 651 Bộ luật Dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với tài sản chung giữa cụ K và bà V thì xác định di sản của cụ K là 5.623m², trong đó có 200m² đất ONT (nguyên đơn có 5.623m²). Chia di sản của cụ K 5.623m² theo quy định pháp luật, được chia làm 9 k y phần bằng nhau mỗi người được một phần, tách tối đa 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất ONT tối thiểu là 100m²/sổ có cân đối với diện tích đất CLN để đảm bảo giá trị các k y phần là bằng nhau. Riêng nguyên đơn được một nửa thửa đất cộng với 1/9 di sản của cụ K. Tài sản trên đất giải quyết theo quy định của pháp luật. Những người có thỏa thuận với nhau về việc đứng tên chung được cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đình chỉ yêu cầu đối với 117.500.000 đồng của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Tranh chấp tài sản chung; tranh chấp di sản thừa kế; kiện đòi tài sản” được quy định tại khoản 5, khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và bất động sản tranh chấp có địa chỉ tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; nguyên đơn có đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C; bà Nguyễn Thị T1; ông Trần Minh L1 có đơn xin vắng mặt. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Qua xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản, biên bản xác minh được xác định tài sản tranh chấp là thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Trên đất hiện có các tài sản: 01 nhà cấp 4, diện tích 75,66m² do bà V và ông K xây dựng năm 1996; 01 nhà cấp 4 diện tích 16m² do bà V và ông K xây dựng năm 1996; 01 nhà dứa lưới, cột kèo sắt, che lưới xung quanh, diện tích 1.206m²; 01 nhà dứa lưới, cột kèo sắt, che lưới xung quanh, diện tích 1.008m²; 03 bồn nước nhựa là của ông T, ông T đã di dời ra khỏi thửa đất số 02; mái tôn, cột sắt, kèo sắt do ông T xây dựng năm 2022, ông T đã di dời một phần ra khỏi thửa đất số 02, phần còn lại diện tích 32m² ông T tự nguyện di dời; 01 nhà dứa lưới, cột kèo sắt, che lưới xung quanh, diện tích 1.180m² của bà

H4 đang sử dụng trồng dưa, bà H4 tự nguyện di dời; các cây trồng khác trên đất các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

[4] Xét tranh chấp tài sản chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng V yêu cầu xác định di sản thừa kế của cụ ông Phạm Quang K là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Chia $\frac{1}{2}$ thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương cho bà Nguyễn Hồng V. Các đương sự thống nhất thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Quang K và bà Nguyễn Hồng V là tài sản chung của ông Phạm Quang K và bà Nguyễn Hồng V. Thửa đất số 02 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ ông Phạm Quang K và nguyên đơn bà Nguyễn Hồng V. Di sản của cụ K được xác định là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, phần tài sản của nguyên đơn bà V được xác định là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về xác định di sản thừa kế của ông Phạm Quang K đối với tài sản chung là thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Quang K và bà Nguyễn Hồng V. Chia $\frac{1}{2}$ thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương cho bà Nguyễn Hồng V là phù hợp với quy định.

[5] Xét tranh chấp thừa kế:

[5.1] Về hàng thừa kế của ông Phạm Quang K: Qua xác nhận nhân thân của ông K và được các đương sự thống nhất, ông K có vợ là bà Nguyễn Hồng V; ông K và bà V có 08 người con là ông Phạm Anh T; bà Phạm Thị Thu H1; bà Phạm Thị H2; bà Phạm Thị C; bà Phạm Thị L; bà Phạm Thu H3; ông Phạm Giang N; bà Phạm Thị Kim H4. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông K là 09 người.

[5.2] Về chia di sản thừa kế: Ông Phạm Quang K chết không để lại di chúc, di sản của ông K được xác định là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương có diện tích 5.622,3m², hàng thừa kế thứ nhất của ông K có 09 người nên trường hợp chia di sản thừa kế theo pháp luật thì mỗi kỹ phần tương đương với $\frac{1}{9}$ di sản, tương đương với giá trị là 70.790.000 đồng. Thửa đất số 02 có 400m² đất thổ cư, nguyên đơn tự nguyện nhận 200m² thổ cư và phần diện tích đất nông nghiệp đối với phần đất nguyên đơn được nhận chia tài sản chung và phần chia di sản thừa kế. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt thống nhất với ý kiến của nguyên đơn. Khi chia tách thửa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H1, bà H4, ông N, bà H3, bà L đồng ý cùng đứng tên quyền sử dụng đất. Bị đơn và bà H2 đồng ý cùng đứng tên quyền sử dụng đất với bà C. Như vậy, việc tách thửa đất số 02 để chia tài sản chung và chia di sản thừa kế là phù hợp với quy định của pháp luật đất đai, pháp luật dân sự về chia thừa kế và Quyết định số 38 của UBND tỉnh B nên HĐXX chia di sản thừa kế của cụ K theo pháp luật cho các đồng thừa kế. Đối với các tài sản trên đất các đương sự không tranh chấp. Tại phiên tòa ông T, bà H4 đồng ý tự nguyện di dời các tài sản có trên đất, không yêu cầu gì. Xét sự tự nguyện di dời các tài sản trên đất của đương sự là tự nguyện, không vi phạm pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C yêu cầu chia toàn bộ thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương thành 09 phần bằng nhau cho 09 đồng thừa kế là không phù hợp với quy định của pháp luật. Bà C không có yêu cầu độc lập nên HĐXX không xem xét.

[7] Đối với chênh lệch giá trị của mỗi kỹ phần di sản được nhận sau khi chia tài sản chung và chia di sản thừa kế. Do nguyên đơn và các đồng thừa kế thống nhất chia diện tích đất thổ cư di sản thừa kế của cụ K thành hai phần và đồng ý nếu có sự chênh lệch về diện tích đất nông nghiệp thì sẽ không tranh chấp, không yêu cầu xem xét giá trị chênh lệch. Xét đề nghị của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 117.500.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[9] Về chi phí tố tụng và chi phí định giá: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản là 6.605.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong. Các đồng thừa kế mỗi người phải nộp 1/9 chi phí là 734.000 đồng để thanh toán lại cho nguyên đơn.

[10] Xét ý kiến của Viện kiểm sát: Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Hồng V là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với giá trị phần di sản được nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 100 của Luật Đất đai;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn ông Phạm Anh T thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Hồng V số tiền 117.500.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Hồng V về việc “Tranh chấp tài sản chung; tranh chấp thừa kế”.

2.1. Chia cho bà Nguyễn Hồng V diện tích 6.097,9m² trong đó có 200m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Quang K và bà Nguyễn Hồng V. (Được ký hiệu A tại sơ đồ trích đo kèm theo bản án).

2.2. Chia cho ông Phạm Anh T, bà Phạm Thị H2, bà Phạm Thị C diện tích 1.885,8m² trong đó có 100m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Quang K và bà Nguyễn Hồng V. Ông Phạm Anh T, bà Phạm Thị H2, bà Phạm Thị C được cùng sử dụng thửa đất. (Được ký hiệu C tại sơ đồ trích đo kèm theo bản án).

2.3. Chia cho bà Phạm Thị Thu H1, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thu H3, ông Phạm Giang N, bà Phạm Thị Kim H4 diện tích 3260,9m², trong đó có 100m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Quang K và bà Nguyễn Hồng V. Bà Nguyễn Hồng V, bà Phạm Thị Thu H1, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thu H3, ông Phạm Giang N, bà Phạm Thị Kim H4 được cùng sử dụng thửa đất. (Được ký hiệu B tại sơ đồ trích đo kèm theo bản án).

3. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc sang tên, chia, tách thửa, hợp thửa, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với nội dung bản án đã tuyên.

4. Buộc ông Phạm Anh T phải di dời phần mái che có kết cấu cột kèo sắt, mái tôn diện tích 32m² (gắn với nhà cấp 4) trên thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. (Thể hiện tại sơ đồ trích đo kèm theo bản án).

5. Buộc bà Phạm Thị Kim H4 phải di dời 01 (một) nhà dứa lưới, cột kèo sắt, che lưới xung quanh, diện tích 1.180m² trên thửa đất số 02, tờ bản đồ số 39,

tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. (Thể hiện tại sơ đồ trích đo kèm theo bản án).

6. Về chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng: Ông Phạm Anh T, bà Phạm Thị H2, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị Thu H1, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thu H3, ông Phạm Giang N, bà Phạm Thị Kim H4 mỗi người phải thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Hồng V 734.000 đồng (bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Anh T, bà Phạm Thị H2, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị Thu H1, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thu H3, ông Phạm Giang N, bà Phạm Thị Kim H4 mỗi người phải nộp 3.539.500 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Hồng V là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự theo quy định.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mùi

